

Số: 172/BC-UBND

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Đánh giá bổ sung kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2020

(Cập nhật số liệu đã báo cáo tại Kỳ họp thứ 18, HĐND tỉnh khóa IX)

Năm 2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối của Kế hoạch 05 năm 2016-2020, năm tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XII, tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và kỷ niệm 120 năm thành lập tỉnh Bắc Kạn. Ngay từ cuối năm 2019 và đầu năm 2020, UBND tỉnh Bắc Kạn đã có những chỉ đạo quyết liệt thực hiện triển khai nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu của năm 2020.

Bước vào năm 2020, tình hình kinh tế xã hội của cả nước nói chung và của tỉnh Bắc Kạn diễn ra trong bối cảnh chịu tác động lớn của thiên tai (mưa đá), dịch bệnh trên gia súc, đặc biệt là dịch bệnh Covid-19 phức tạp, khó lường đã ảnh hưởng đến hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Với sự lãnh đạo của Đảng, sự quyết tâm, thống nhất hành động của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương, tỉnh Bắc Kạn đã cơ bản kiểm soát được dịch bệnh Covid-19, đồng thời thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế xã hội.

Đối với tỉnh Bắc Kạn, sự chỉ đạo kịp thời của cấp ủy, cùng với sự đồng lòng của chính quyền các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh, kinh tế - xã hội năm 2020 nhìn chung ổn định; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội được chú trọng, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19; các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch bệnh được triển khai kịp thời; các lĩnh vực giáo dục, khoa học, tài nguyên môi trường, cải cách hành chính được quan tâm thực hiện; quốc phòng - an ninh được giữ vững. Có 28/37 chỉ tiêu đạt và vượt (trong đó có 17 chỉ tiêu vượt) và 09/37 chỉ tiêu không đạt kế hoạch (*Số liệu đã báo cáo: Có 30/37 chỉ tiêu đạt và vượt (trong đó có 13 chỉ tiêu vượt) và 07 chỉ tiêu không đạt kế hoạch*). Kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng giá trị gia tăng GRDP năm 2020 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 7.406,5 tỷ đồng (*Số liệu đã báo cáo 7.414,6 tỷ đồng*), đạt 97,1% kế hoạch; tăng trưởng 3,16% (*Số liệu đã báo cáo tăng 3,13%*), trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng trưởng 3,5% (*Số liệu đã báo cáo tăng 3,5%*); Khu vực Công nghiệp - xây dựng tăng trưởng 5,28% (*số liệu đã báo cáo tăng 4,3%*); khu vực Dịch vụ tăng trưởng 2,49% (*Số liệu đã báo cáo tăng 2,48%*).

Tổng giá trị gia tăng theo giá hiện hành ước đạt 12.871 tỷ đồng (*Số liệu đã báo cáo 12.832,6 tỷ đồng*); GRDP bình quân đầu người đạt 40,67 triệu đồng, đạt 101,7% kế hoạch, tăng 2,5 triệu đồng so với năm 2019 (*Số liệu đã báo cáo 40,4 triệu đồng*). Cơ cấu kinh tế: Ngành nông, lâm nghiệp chiếm 31,04%; công nghiệp - xây dựng chiếm 14,0; ngành dịch vụ chiếm 51,84% (*Số liệu đã báo cáo lần lượt là 30,06% - 14,3% - 51,9%*).

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp

2.1. Trồng trọt

Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2020 đạt 180 nghìn tấn, đạt 103% kế hoạch (*số liệu đã báo cáo 179,4 nghìn tấn*); sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt 567 kg/người/năm (*số liệu đã báo cáo 565kg/người*), trong đó sản lượng một số cây trồng chính:

- Lúa ruộng đạt 117,97 nghìn tấn (*Số liệu đã báo cáo 117,18 nghìn tấn*).
- Cây ngô đạt 61,9 nghìn tấn (*Số liệu đã báo cáo 62,3 nghìn tấn*).
- Cây dong riềng đạt 36,9 nghìn tấn (*Số liệu đã báo cáo 38,6 nghìn tấn*).
- Cây gừng đạt 6,5 nghìn tấn (*Không thay đổi so với số đã báo cáo*).
- Cây nghệ 4,2 nghìn tấn (*Số liệu đã báo cáo 4,6 nghìn tấn*).
- Cây cam, quýt đạt 26,26 nghìn tấn (*Số liệu đã báo cáo 23,6 nghìn tấn*).
- Cây hồng không hạt đạt 2,2 nghìn tấn (*Số liệu đã báo cáo 2,5 nghìn tấn*).
- Cây chè đạt 9,55 nghìn tấn (*Số liệu đã báo cáo 9,1 nghìn tấn*).
- Diện tích đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa giai đoạn 2018-2019 được duy trì 1.555 ha (*Số liệu đã báo cáo 1.610 ha*).

2.2. Chăn nuôi

Năm 2020 mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng tỉnh đã quan tâm cải tạo đàn vật nuôi, phương thức chăn nuôi được cơ cấu lại theo hướng chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi quy mô lớn, chăn nuôi nông hộ nhưng áp dụng khoa học công nghệ đã góp phần ổn định thị trường tiêu thụ:

- Đàn đại gia súc có 62,9 nghìn con (*Số liệu đã báo cáo 68,4 nghìn con*).
- Đàn gia cầm có 2.444 nghìn con (*Số liệu đã báo cáo 1.715 nghìn con*).
- Đàn dê có 16,6 nghìn con (*Số liệu đã báo cáo 21,9 nghìn con*).
- Đàn lợn có 125,4 nghìn con (*Số liệu đã báo cáo 139 nghìn con*).
- Tổng sản lượng thịt hơi đạt 20,2 nghìn tấn (*Số liệu đã báo cáo 22 nghìn tấn*).

2.3. Lâm nghiệp

Công tác trồng rừng đạt kết quả tốt; tổng diện tích rừng đã trồng 7.235 ha (*không thay đổi số liệu đã báo cáo*); sau nghiệm thu đạt 7.110 ha, đạt 98% diện tích trồng, đạt 121% kế hoạch, trong đó trồng phân tán (cây gỗ lớn) 3.152 ha, trồng tập trung 3.958 ha. Sản lượng gỗ khai thác đạt 224.160 m³ (*Số liệu đã báo cáo 235.000m³*); tỷ lệ che phủ rừng duy trì 72,9%.

Công tác quản lý bảo vệ rừng đã được tăng cường, tuy nhiên tình hình vi

phạm pháp luật về bảo vệ rừng vẫn diễn biến phức tạp. Cơ quan chuyên môn đã tổ chức 755 cuộc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng. Lập biên bản 459 vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng, tịch thu trên 700 m³ gỗ các loại (trong đó gỗ quý hiếm 14m³); tổng các khoản thu nộp ngân sách Nhà nước trên 4,2 tỷ đồng.

2.4. Công tác phòng chống thiên tai

Trong năm 2020, thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường đã gây thiệt hại lớn về nhà cửa, hoa màu, tài sản của nhân dân, cụ thể: 01 người chết, 06 người bị thương; 6.176 nhà ở bị tốc mái, hư hỏng; 1.489 ha hoa màu bị ảnh hưởng, gần 130.457 m³ đất, đá sạt lở,... Ước thiệt hại khoảng 103 tỷ đồng. Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện, thành phố bị ảnh hưởng chủ động các phương án bảo vệ an toàn tính mạng người dân, khắc phục thiệt hại theo phương châm “4 tại chỗ”.

3. Công nghiệp - Xây dựng cơ bản

3.1. Sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.334,2 tỷ đồng, đạt 96,4% kế hoạch, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2019 (Số liệu đã báo cáo 1.330,3 tỷ đồng). Trong đó: Công nghiệp khai thác tăng 2,53%, công nghiệp chế biến tăng 6,26%, công nghiệp sản xuất phân phối điện nước tăng 10,24% và công nghiệp cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 8,63%. Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2020 tăng 4,86% so với năm 2019.

3.2. Đầu tư xây dựng cơ bản

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản được chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên; tiến độ giải ngân nguồn vốn năm 2020 cao hơn so với cùng kỳ năm 2019.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh là 2.513 tỷ đồng (Số liệu đã báo cáo 2.893,9 tỷ đồng - bao gồm cả vốn ngân sách Trung ương đầu tư trên địa bàn); đến hết ngày 31/01/2021 giải ngân đạt 2.088,3 tỷ đồng, đạt 83,1% kế hoạch¹, trong đó:

- Nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2020 giải ngân 1.795,3 tỷ đồng/kế hoạch 2.159,5 tỷ đồng, đạt 83% kế hoạch, cụ thể:

+ Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương 566/619,7 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch;

+ Nguồn vốn đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu 265,6/385 tỷ đồng, đạt 69% kế hoạch;

+ Nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia 520,4/581 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch;

+ Nguồn vốn nước ngoài ODA 444,3/573,7 tỷ đồng, đạt 77% kế hoạch;

+ Nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương 50,9/55 tỷ đồng, đạt 92,6% kế hoạch.

¹Nếu tính cả số kế hoạch vốn nước ngoài đã rút về Tài khoản thì số kế hoạch vốn năm 2020 giải ngân được 2.171,3 tỷ đồng, đạt 86,3%.

- Nguồn vốn đầu tư công năm 2019 chuyển sang năm 2020 giải ngân 242 tỷ đồng/kế hoạch 298,5 tỷ đồng, đạt 81% kế hoạch.

4. Hoạt động dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn năm 2020 ước đạt 5.178 tỷ đồng, đạt 79,4% kế hoạch, bằng 96,3% so với cùng kỳ năm 2019 (*Số liệu đã báo cáo 5.677 tỷ đồng*). Tổng lượt khách đến tỉnh đạt 197,8 nghìn lượt (*Số liệu đã báo cáo 173,3 nghìn lượt khách*), đạt 35,3% kế hoạch, bằng 37,7% so với cùng kỳ và tổng doanh thu đạt 139 tỷ đồng (*Số liệu đã báo cáo 113 tỷ đồng*), đạt 37,5% kế hoạch, bằng 40,2% so với cùng kỳ.

Tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu năm 2020 đạt 12,77 triệu USD (*Số liệu đã báo cáo 10 triệu USD*), đạt 127,7% kế hoạch, tăng 32% so với năm 2019, trong đó: Kim ngạch xuất khẩu đạt 7,5 triệu USD với mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là gỗ dán ép, đũa gỗ, quả mơ, gừng đã qua sơ chế, miến dong; kim ngạch nhập khẩu đạt 5,2 triệu USD với mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị, veneer.

5. Phát triển doanh nghiệp - Hợp tác xã

Tỉnh đã thực hiện các nhiệm vụ giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hướng dẫn, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, thường xuyên tổ chức đối thoại với doanh nghiệp. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, thành phố, các Sở, ban, ngành tỉnh Bắc Kạn DDCI năm 2020 đạt trung bình là 85,63/100 điểm, cao hơn so với năm 2019 (cao hơn 22,94 điểm); các Sở, ngành, địa phương đều xếp ở mức khá và cao (*Hiện nay Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) chưa công bố chỉ số PCI năm 2020*).

Năm 2020, cả tỉnh có 66 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký trên 673 tỷ đồng (*bằng so với năm 2019 nhưng tổng vốn đăng ký tăng 119 tỷ đồng*); 42 doanh nghiệp ngừng hoạt động (*giảm 01 doanh nghiệp*) và 16 doanh nghiệp giải thể (*tăng 06 doanh nghiệp*); có hơn 1.100 doanh nghiệp đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh. Trong năm, tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư cho 25 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 2.410 tỷ đồng (*tăng 08 dự án và tăng 1.620 tỷ đồng*).

Công tác phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể được triển khai thường xuyên, cả tỉnh có 51 hợp tác xã thành lập mới (*Số liệu đã báo cáo 43 HTX*), trong đó có 35 hợp tác xã nông nghiệp, đạt 194,4% kế hoạch, nâng tổng số hợp tác xã của tỉnh lên 234 HTX với bình quân doanh thu đạt 550 triệu đồng/năm; tuy nhiên đến nay có 3 HTX giải thể và 24 HTX hoạt động kém hiệu quả.

6. Tài chính - Tiền tệ - Hoạt động ngân hàng

6.1. Thu - chi ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 được 718.278 triệu đồng (*Số liệu đã báo cáo 698 tỷ đồng*), đạt 106,3% dự toán Trung ương giao, đạt 100,3% dự toán tỉnh giao, tăng 1,1% với năm 2019, trong đó: Thu nội địa đạt 700.903 triệu đồng (*Số liệu đã báo cáo 688 tỷ đồng*), đạt 98,7% kế hoạch tỉnh giao; thu xuất, nhập khẩu đạt 17.375 triệu đồng (*Số liệu đã báo cáo 10 tỷ đồng*),

đạt 289,6% kế hoạch

Tổng chi ngân sách nhà nước đạt 5.614.384 triệu đồng, đạt 94% dự toán (Số liệu đã báo cáo 6.138 tỷ đồng).

6.2. Hoạt động ngân hàng

Tổng huy động vốn của các ngân hàng trên địa bàn thực hiện đến 31/12/2020 đạt 9.144 tỷ đồng, tăng 13,3% so với năm 2019 (Số liệu đã báo cáo 8.875 tỷ đồng); dư nợ tín dụng đạt 9.752 tỷ đồng, tăng 1,37% (Số liệu đã báo cáo 10.390 tỷ đồng); dư nợ xấu 48 tỷ đồng, chiếm 0,49% tổng dư nợ.

7. Công tác xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo

- Về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới: Đến hết năm 2020, tỉnh Bắc Kạn có thêm 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Nghĩa Tá; xã Địa Linh xã Khang Ninh; xã Dương Phong); có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (xã Quang Thuận và xã Kim Lu). Nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM lên 15 xã (sau sáp nhập xã, phường); 53 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; 24 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí; không có xã đạt dưới 5 tiêu chí; bình quân cả tỉnh đạt 12,25 tiêu chí/xã (Số liệu đã báo cáo 12,84 tiêu chí/xã).

- Về thực hiện Chương trình giảm nghèo: Đến hết năm 2020 cả tỉnh có 14.982 hộ nghèo, chiếm 18,50%, giảm 1,07% so với năm 2019 (Số liệu đã báo cáo giảm 2,5%); số hộ cận nghèo là 8.469 hộ, chiếm 10,46%, giảm 0,87% so với năm 2019. Tuy không đạt kế hoạch năm 2020 đề ra, nhưng bình quân giai đoạn 2016-2020 tỷ lệ giảm nghèo của tỉnh đạt 2,18%/năm, đạt kế hoạch đề ra (2,0-2,5%/năm).

8. Lĩnh vực Văn hoá - Xã hội

- *Giáo dục - Đào tạo*: Năm học 2019-2020 gặp nhiều khó khăn, phải điều chỉnh, kéo dài thời gian năm học để phù hợp với công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19, nhưng chất lượng giáo dục tiếp tục có những chuyển biến tích cực, số học sinh bỏ học giảm so với năm học trước; kết quả phổ cập giáo dục xóa mù chữ tiếp tục được củng cố và giữ vững; tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT đạt 96,34%, vượt kế hoạch đề ra. Đến hết năm 2020, cả tỉnh có thêm 10 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 125% kế hoạch, nâng tổng số trường đạt chuẩn lên 96 trường (Số liệu đã báo cáo tăng thêm 08 trường, nâng tổng số trường lên 104 trường; số liệu lũy kế tổng số trường chuẩn giảm do các trường thực hiện sáp nhập theo Đề án sáp nhập xã, phường).

- *Y tế - chăm sóc sức khỏe nhân dân*: Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được duy trì, thực hiện tốt. Các cơ sở khám chữa bệnh đã tổ chức phân luồng, khám sàng lọc, phân loại người nghi nhiễm Covid-19. Cả tỉnh có thêm 04 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, đạt 100% kế hoạch, nâng tổng số xã đạt Bộ tiêu chí lên 113 xã (Không thay đổi so với số liệu đã báo cáo).

Công tác phòng, chống dịch Covid-19 được các cấp, các ngành thực hiện nghiêm. Đến hết năm 2020, không ghi nhận trường hợp mắc viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- *Văn hóa - Thể thao*: Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao được thực hiện hiệu quả. Tỉnh đã tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước và địa phương, như: Tổ chức kỷ niệm 120 năm Ngày thành lập tỉnh Bắc Kạn; Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” được triển khai thực hiện tốt, đến hết năm 2020 đạt: 89,3% số hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa; 88,3% làng, bản, thôn xóm, ấp, khu phố đạt chuẩn văn hóa; 63,65% xã, phường đạt chuẩn văn minh đô thị (*Số liệu đã báo cáo lần lượt là: 88% - 86% - 50%*).

- *Thông tin - Truyền thông*: Mạng lưới thông tin - truyền thông luôn phản ánh kịp thời, chính xác các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các vấn đề thời sự; đặc biệt tập trung tuyên truyền công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tuyên truyền Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

Tỉnh tiếp tục triển khai xây dựng chính quyền điện tử, từng bước hình thành “*Công dân điện tử*”. Đến hết năm 2020, tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh theo mức độ 3 đạt 77%; tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh theo mức độ 4 đạt 49%; tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp huyện theo mức độ 3 đạt 88% và tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp huyện theo mức độ 4 đạt 33% (*Số liệu đã báo cáo lần lượt là: 77% - 30% - 81% - 20%*).

- *Lao động - Thương binh và Xã hội*: Công tác lao động, việc làm được triển khai theo kế hoạch; các địa phương, các doanh nghiệp nghiêm túc thực hiện chống dịch Covid-19 cho người lao động; hướng dẫn trả lương ngừng việc và giải quyết chế độ cho người lao động. Đến hết năm 2020, có 5.500 lao động được giải quyết việc làm (*Không thay đổi so với số liệu đã báo cáo*), đạt 110% kế hoạch; có 6.134 lao động được đào tạo nghề (*Số liệu đã báo cáo 6.000 lao động*). Năng suất lao động của tỉnh dần được nâng lên, năm 2020 đạt 57,2 triệu đồng/người, tăng 3,5 triệu đồng so với năm 2019.

9. Khoa học và Công nghệ - Tài nguyên và Môi trường

- *Khoa học và Công nghệ*: Năm 2020, tỉnh thực hiện quản lý 28 đề tài, dự án khoa học, công nghệ; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được triển khai bám sát nhiệm vụ kinh tế, chính trị của địa phương, cơ bản đảm bảo theo kế hoạch đề ra.

- *Tài nguyên và Môi trường*: Công tác quản lý đất đai được thực hiện tốt, việc tiếp nhận, xử lý các hồ sơ đất đai đảm bảo theo quy định. Công tác quản lý khoáng sản được thực hiện nghiêm, tỉnh đã phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố thông tin kết quả nhiệm vụ “*Nghiên cứu, đánh giá, giải quyết hiện tượng sụt lún đất tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn*”. Các lĩnh vực tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu được thực hiện tốt.

10. Cải cách hành chính, tổ chức bộ máy; dân tộc - tôn giáo; thanh tra, tiếp công dân

- Công tác cải cách hành chính được tăng cường thực hiện, tỉnh đã ban hành kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính chỉ số PAPI cấp tỉnh năm 2020 và xây dựng tiêu chí đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính của các

đơn vị, địa phương; Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, kết quả đều đạt tốt và khá (*Hiện nay Bộ Nội vụ chưa công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2020*).

Thực hiện Nghị quyết số 855/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Kạn, tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện, hướng dẫn, bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức đối với các đơn vị hành chính mới thành lập và tổ chức Lễ công bố đơn vị hành chính cấp xã mới; chỉ đạo thực hiện quản lý cán bộ, công chức cấp xã đúng quy định; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách; thực hiện rà soát, sắp xếp cán bộ, công chức đối với các xã mới thành lập đảm bảo ổn định và phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; hiện nay tỉnh Bắc Kạn có 108 xã, phường, thị trấn (giảm 14 đơn vị cấp xã).

- Công tác dân tộc, tôn giáo trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện theo kế hoạch. Các cấp, các ngành đã phối hợp tổ chức thăm, tặng quà nhân dịp các ngày lễ, tết cho người có uy tín, hộ đồng bào có hoàn cảnh khó khăn, các chức sắc, chức việc các tôn giáo trên địa bàn tỉnh. An ninh dân tộc tôn giáo cơ bản ổn định, các hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh đều diễn ra đúng quy định.

- Công tác thanh tra được các cấp, các ngành tăng cường triển khai thực hiện. Toàn tỉnh đã tiến hành 255 cuộc thanh tra, kiểm tra (*Số liệu đã báo cáo 149 cuộc*); qua đó đã phát hiện sai phạm và kiến nghị thu hồi 8.913 triệu đồng (đã thu 8.398 triệu đồng), xử phạt vi phạm hành chính 137 trường hợp với số tiền xử phạt 716,5 triệu đồng, kiến nghị khác 506 triệu đồng. Các cơ quan hành chính Nhà nước tiếp tục tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền: Đã tiếp 1.114 lượt công dân; tiếp nhận 1.859 đơn thư; xử lý 60 vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đến nay đã giải quyết 54/60 vụ việc. Các cấp, các ngành tiếp tục chỉ đạo, quán triệt việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tăng cường thực hiện các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Qua công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo không phát hiện vụ việc tham nhũng. Các cơ quan tố tụng trên địa bàn tỉnh giải quyết 05 vụ án tham nhũng.

11. Quốc phòng - An ninh

Cơ quan Quân sự, Công an của tỉnh thường xuyên theo dõi sát tình hình, chủ động ngăn chặn các âm mưu, ứng phó kịp thời các tình huống, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tỉnh đã tổ chức lễ giao nhận quân đúng nghi thức, đảm bảo trang trọng, an toàn với 702 tân binh, vượt 02 tân binh so với kế hoạch giao; thường xuyên duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ, cứu nạn ở các cấp; làm tốt công tác huấn luyện cho các đối tượng năm 2020, đạt kết quả khá.

Lực lượng Công an tỉnh triển khai thực hiện hiệu quả các đợt tấn công trấn áp tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; làm tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự phục vụ triển khai sắp xếp các đơn vị hành chính xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, an ninh trật tự tại các khu vực tổ chức cách ly; đảm bảo an toàn các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa quan trọng, nhất là trong thời gian diễn ra Đại hội Đại biểu Đảng bộ các cấp; tăng cường quản lý công tác xuất, nhập cảnh và quản

lý người nước ngoài, lao động nước ngoài trên địa bàn trong thời kỳ dịch bệnh; thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật, tỷ lệ điều tra, khám phá án đạt trên 86,4%.

Công tác thanh tra, kiểm tra an toàn giao thông đường bộ được các lực lượng chức năng duy trì thường xuyên. Trong năm, cả tỉnh có 57 vụ tai nạn giao thông làm 27 người chết và 55 người bị thương; giảm 02 tiêu chí (giảm 01 vụ, giảm 16 người bị thương) và tăng 01 tiêu chí (tăng 02 người chết) so với cùng kỳ năm 2019 (*Số liệu đã báo cáo giảm 03 tiêu chí*).

12. Công tác lập Quy hoạch tỉnh: Trong năm 2020, tỉnh Bắc Kạn đã triển khai xây dựng nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 907/QĐTTg ngày 29/6/2020. Đến hết năm 2020, đã lựa chọn được đơn vị tư vấn thực hiện dự án và đang triển khai các bước lập quy hoạch tỉnh theo quy định.

II. CHỈ TIÊU KHÔNG ĐẠT KẾ HOẠCH (09/37 CHỈ TIÊU)

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 3,16%/6,8% kế hoạch.
2. Diện tích duy trì đất nông nghiệp đã chuyển đổi từ trồng lúa, ngô sang trồng cây có giá trị kinh tế cao 1.555 ha/1.610 ha kế hoạch (*Số liệu đã báo cáo đạt kế hoạch*).
3. Phát triển sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên tăng thêm 24 sản phẩm/30 sản phẩm kế hoạch (*Số liệu đã báo cáo đạt kế hoạch*).
4. Tốc độ tăng tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ: âm 3,7%/7,5% kế hoạch.
5. Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia: 97,31%/98% kế hoạch.
6. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện: 93,6%/95% kế hoạch.
7. Tỷ lệ giảm nghèo: 1,07%/2,5% kế hoạch (*Số liệu đã báo cáo đạt kế hoạch*).
8. Tỷ lệ giảm nghèo tại các huyện nghèo 30a: 0,2%/3,8% kế hoạch (*Số liệu đã báo cáo đạt kế hoạch*).
9. Tỷ lệ cán bộ công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên: 96,87%/100% kế hoạch.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Thường trực Tỉnh uỷ (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NCTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Hải

BIỂU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 172/BC-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020			Đánh giá
			Kế hoạch	Số liệu đã báo cáo tại kỳ họp HĐND tỉnh	Số liệu đánh giá, bổ sung	
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân giai đoạn	%	6,80	3,13	3,16	Không đạt KH
	<i>Trong đó:</i>					
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,5	3,69	3,50	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	9,0	4,31	5,28	
	+ Công nghiệp	%	10,0	4,94	5,81	
	+ Xây dựng	%	8,3	3,95	5,00	
	- Dịch vụ	%	7,8	2,48	2,49	
2	Tổng giá trị gia tăng theo giá hiện hành	tỷ đồng	13.458	12.830	12.871	Vượt KH
3	GRDP bình quân đầu người	triệu đồng	40,0	40,4	40,7	Vượt KH
4	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	tỷ đồng	716	698	718	Vượt KH
5	Diện tích đất nông nghiệp chuyển đổi từ trồng lúa, ngô sang trồng cây có giá trị kinh tế cao (duy trì)	Ha	1.610	1.610	1.555	Không đạt KH
6	Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người/năm	kg	550	565	567	Vượt KH
7	Trồng rừng	ha	5.900	7.235	7.235	Vượt KH
8	Trong đó: Trồng rừng gỗ lớn (trồng tập trung hoặc phân tán)		3.000	>3.000	3.152	Vượt KH
9	Tỷ lệ che phủ rừng	%	≥ 72	72,9	72,9	Vượt KH
10	Phát triển sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên tăng thêm	Sản phẩm	30	36	24	Không đạt KH
11	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm	Xã	3	4	4	Vượt KH
12	Số hợp tác xã thành lập mới trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp	HTX	18	25	35	Vượt KH
13	Tốc độ tăng tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ bình quân	%	>7,5	-3,1	-3,7	Không đạt KH
14	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98	98,5	98,5	Vượt KH
15	Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	%	98	97,31	97,31	Không đạt KH
16	Số lao động được giải quyết việc làm mới	Người	5.000	5.500	5.500	Vượt KH
17	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	45,0	45,0	45,0	Đạt KH
18	Tỷ lệ tham gia so với số thuộc diện tham gia					Không đạt KH
	- BHXH bắt buộc	%	95,0	93,5	89,2	
	- BHXH tự nguyện	%	95,0	93,6	94,5	
19	Tốc độ tăng trưởng BHXH tự nguyện so với năm trước	%	30,0	133,0	133,4	Vượt KH
20	Tỷ lệ giảm nghèo so với năm trước	%	2,5	2,5	1,07	Không đạt KH
21	Trong đó: Các huyện nghèo giảm	%	3,5-4	3,8	0,2	Không đạt KH
22	Số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã tăng thêm	Xã	4	4	4	Đạt KH
23	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	96,0	≥96,3	97,3	Vượt KH
24	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,0	1,0	0,66	Đạt KH
25	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể cân nặng theo tuổi)	%	≤17,0	17,0	16,9	Đạt KH
26	Số giường bệnh kế hoạch/vạn dân	Giường	32,4	32,4	32,5	Đạt KH
27	Số trường đạt chuẩn quốc gia tăng thêm	Trường	8	8	10	Vượt KH
28	Tỷ lệ tốt nghiệp THPT	%	90,00	96,34	96,30	Vượt KH
29	Tỷ lệ làng, bản, tổ phố đạt "Khu dân cư văn hóa"	%	72,0	86	89,3	Vượt KH
30	Tỷ lệ số hộ gia đình đạt "gia đình văn hóa"	%	85,0	88	88,3	Vượt KH
31	Tỷ lệ cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm	%	95	95	95	Đạt KH
32	Tỷ lệ cán bộ công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên		100		96,87	Không đạt KH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020			Đánh giá
			Kế hoạch	Số liệu đã báo cáo tại kỳ họp HĐND tỉnh	Số liệu đánh giá, bổ sung	
	+ Cán bộ	%		96,87	96,87	
	+ Công chức	%		100	100	
33	Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh tăng so với năm trước	Bậc	≥1	Phần đầu đạt	Phần đầu đạt	Đạt KH
34	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tăng so với năm trước	Bậc	≥3	Phần đầu đạt	Phần đầu đạt	Đạt KH
35	Chỉ tiêu tỷ lệ tuyển quân, động viên quân dự bị, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng	%	100	100	100	Đạt KH
36	Tỷ lệ điều tra, khám phá án	%	≥85	90,0	86,4	Đạt KH
37	Tai nạn giao thông đường bộ		giảm 3 tiêu chí	Giảm 3 tiêu chí so với năm 2019	Giảm 2 tiêu chí	Đạt KH